

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ
THÁNG 04 NĂM 2025**

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP.HCM:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	BCG		AAA
2	ACB	ORS		ACB
3	ACC			ACC
4	ACG			ACG
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST
12	BAF			BAF
13	BCG			BCM
14	BCM			BFC
15	BFC			BIC
16	BIC			BID
17	BID			BMC
18	BMC			BMI
19	BMI			BMP
20	BMP			BSI
21	BSI			BTP
22	BTP			BVH
23	BVH			BWE
24	BWE			C32
25	C32			CCL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
26	CCL			CDC
27	CDC			CHP
28	CHP			CII
29	CII			CMG
30	CMG			CNG
31	CNG			CSM
32	CSM			CSV
33	CSV			CTD
34	CTD			CTF
35	CTF			CTG
36	CTG			CTI
37	CTI			CTR
38	CTR			CTS
39	CTS			DBC
40	DBC			DBD
41	DBD			DC4
42	DC4			DCL
43	DCL			DCM
44	DCM			DGC
45	DGC			DGW
46	DGW			DHA
47	DHA			DHC
48	DHC			DHG
49	DHG			DIG
50	DIG			DPG
51	DPG			DPM
52	DPM			DPR
53	DPR			DRC
54	DRC			DSE
55	DSE			DSN
56	DSN			DVP
57	DVP			DXG
58	DXG			DXS
59	DXS			EIB
60	EIB			ELC
61	ELC			EVF
62	EVF			FCN
63	FCN			FMC
64	FMC			FPT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
65	FPT			FRT
66	FRT			FTS
67	FTS			GAS
68	GAS			GDT
69	GDT			GEG
70	GEG			GEX
71	GEX			GMD
72	GMD			GSP
73	GSP			GVR
74	GVR			HAH
75	HAH			HAP
76	HAP			HAX
77	HAX			HCD
78	HCD			HCM
79	HCM			HDB
80	HDB			HDC
81	HDC			HDG
82	HDG			HHP
83	HHP			HHS
84	HHS			HHV
85	HHV			HPG
86	HPG			HQC
87	HQC			HSG
88	HSG			HT1
89	HT1			HTG
90	HTG			HTI
91	HTI			HTN
92	HTN			HUB
93	HUB			HVH
94	HVH			IDI
95	IDI			IJC
96	IJC			IMP
97	IMP			ITC
98	ITC			KBC
99	KBC			KDC
100	KDC			KDH
101	KDH			KHG
102	KHG			KHP
103	KHP			KOS



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
104	KOS			KSB
105	KSB			LBM
106	LBM			LCG
107	LCG			LHG
108	LHG			LIX
109	LIX			LPB
110	LPB			LSS
111	LSS			MBB
112	MBB			MCM
113	MCM			MIG
114	MIG			MSB
115	MSB			MSH
116	MSH			MSN
117	MSN			MWG
118	MWG			NAB
119	NAB			NAF
120	NAF			NCT
121	NCT			NHA
122	NHA			NHH
123	NHH			NKG
124	NKG			NLG
125	NLG			NNC
126	NNC			NTL
127	NTL			OCB
128	OCB			OPC
129	OPC			PAC
130	ORS			PAN
131	PAC			PCI
132	PAN			PDR
133	PCI			PET
134	PDR			PGC
135	PET			PHR
136	PGC			PLX
137	PHR			PNJ
138	PLX			POW
139	PNJ			PPC
140	POW			PTB
141	PPC			PVD
142	PTB			PVP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
143	PVD			PVT
144	PVP			REE
145	PVT			SAB
146	REE			SAM
147	SAB			SBA
148	SAM			SBG
149	SBA			SBT
150	SBG			SCR
151	SBT			SCS
152	SCR			SGN
153	SCS			SHB
154	SGN			SHI
155	SHB			SHP
156	SHI			SIP
157	SHP			SJD
158	SIP			SJS
159	SJD			SKG
160	SJS			SMB
161	SKG			SSB
162	SMB			SSI
163	SSB			STB
164	SSI			SVT
165	STB			SZC
166	SVT			SZL
167	SZC			TCB
168	SZL			TCH
169	TCB			TCI
170	TCH			TCL
171	TCI			TCM
172	TCL			TCO
173	TCM			TCT
174	TCO			TDM
175	TCT			TDP
176	TDM			TEG
177	TDP			THG
178	TEG			TIP
179	THG			TLG
180	TIP			TMS
181	TLG			TNH

2 - C.T.
 NG TY
 PHẦN
 3 KHOA
 BANK
 P HỒ C

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
182	TMS			TPB
183	TNH			TRC
184	TPB			TTA
185	TRC			TV2
186	TTA			TVS
187	TV2			VCB
188	TVS			VCG
189	VCB			VCI
190	VCG			VDP
191	VCI			VDS
192	VDP			VFG
193	VDS			VGC
194	VFG			VHC
195	VGC			VHM
196	VHC			VIB
197	VHM			VIC
198	VIB			VIP
199	VIC			VIX
200	VIP			VJC
201	VIX			VND
202	VJC			VNM
203	VND			VOS
204	VNM			VPB
205	VOS			VPD
206	VPB			VPG
207	VPD			VPI
208	VPG			VRE
209	VPI			VSC
210	VRE			VSH
211	VSC			VTO
212	VSH			VTP
213	VTO			YEG
214	VTP			
215	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB	TIG		BAB
2	BVS			BVS
3	CAP			CAP
4	CDN			CDN
5	CEO			CEO
6	DHT			DHT
7	DL1			DL1
8	DNP			DNP
9	DP3			DP3
10	DTD			DTD
11	DVM			DVM
12	DXP			DXP
13	HUT			HUT
14	HVT			HVT
15	IDC			IDC
16	IDV			IDV
17	LAS			LAS
18	LHC			LHC
19	MBS			MBS
20	NBC			NBC
21	NTP			NTP
22	PLC			PLC
23	PSD			PSD
24	PTI			PTI
25	PVB			PVB
26	PVC			PVC
27	PVG			PVG
28	PVI			PVI
29	PVS			PVS
30	S99			S99
31	SED			SED
32	SHS			SHS
33	SLS			SLS
34	SZB			SZB
35	THD			THD
36	THT			THT
37	TIG			TMB
38	TMB			TNG

39	TNG			TPP
40	TPP			TVD
41	TVD			VC3
42	VC3			VCS
43	VCS			VFS
44	VFS			VGS
45	VGS			VNR
46	VNR			VTZ
47	VTZ			

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của Công ty:

<https://www.lpbs.com.vn/danh-muc-ky-quy-news33>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Người lập



VÕ ĐẶNG NHƯ QUỲNH

Kiểm soát



ĐÀO MINH ĐỨC



UQ. Tổng Giám Đốc

CT. + BCT

NGUYỄN DUY KHOA